

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 189 /2017/QĐDS - ST

Ngày 15 tháng 11 năm 2017

V/v: Yêu cầu Công nhận thỏa thuận
về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần giải quyết việc dân sự :

Chủ trì phiên họp: Ông Hoàng Duy Chiến - Thẩm phán;

Thư ký phiên họp: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên họp:

Bà: Hoàng Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 208/2017/TLST - VDS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về yêu cầu công nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2017/QĐ-VDS ngày 03 tháng 11 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Bùi Văn B;

- Bà Trần Thị L;

Cùng địa chỉ: tổ 18, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, (Ông Bùi Văn B và bà Trần Thị L có đơn xin mở phiên họp vắng mặt).

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Văn C;

- Anh Bùi Minh H;

Cùng địa chỉ: tổ 18, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt, (Anh Bùi Văn C và anh Bùi Minh H có đơn xin mở phiên họp vắng mặt).

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà Trần Thị L và ông Bùi Văn B đã ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 63/2013/QĐST – HNGĐ ngày

14/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Khi giải quyết ly hôn ông, bà không yêu cầu giải quyết về tài sản, nay ông bà thỏa thuận được việc chia tài sản chung như sau;

Tài sản chung của bà Trần Thị L và ông Bùi Văn B gồm có:

Đất ở thửa số 146, tờ bản đồ P4-41, diện tích 134 m² (Đo thực tế theo biên bản xem xét tại chỗ ngày 25/10/2017 là 133,9 m²), tại tổ 18, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Trên đất có dựng nhà xây cấp 4, mái lợp ngói proxi măng, nhà nhà ba gian một gian thờ, hai gian thụt, diện tích đúng như biên bản xem xét tại chỗ ngày 25/10/2017 là 65,8 m². Phía trước nhà có sân rộng 41,3 m² láng si măng.

Đất Vườn thửa số 71 tờ bản đồ P04 - 41 rộng 2736 m², trên đất có một số cây nhưng không có giá trị.

Ao đào 2684 m² tại thửa số 25 tờ bản đồ P4-42 hiện tại do con trai Bùi Minh H đang sử dụng.

Đất vườn rộng 432 m² thửa số 26, tờ bản đồ P4-42 hiện tại thửa đất này do gần với bờ ao nên đã bị sạt lở và nhập chung với ao đào ở trên do anh Bùi Minh H đang sử dụng.

Toàn bộ diện tích đất ở trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/7/1999 mang tên hộ bà Trần Thị L, vị trí đất tại thôn Chiềng 1, xã Cam Đường, thị xã Cam Đường, tỉnh Lào Cai cũ, nay là tổ 18, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra tài sản của ông bà không còn gì.

Ông Bùi Văn B và bà Trần Thị L nhất trí với diện tích thực tế tại biên bản xem xét tại chỗ ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Nay ông B và bà L thỏa thuận như sau:

*Đối với đất ở 133,9 m² thửa số 146, tờ bản đồ P4-41 chia đôi cụ thể như sau:

+ Ông Bùi Văn B được sử dụng 66,95 m² vị trí thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp với ngõ đi chung (Ngõ rộng 2m) có chiều rộng: 5,15 m.
- Phía Tây giáp đất nhà anh Nguyễn Tuấn Thành rộng 5,15m.
- Phía Nam giáp đất bà Trần Thị L dài 13 m.
- Phía Bắc giáp đất nhà con trai anh Bùi Văn C dài 13m;

+ Bà Trần Thị L được sử dụng 66,95 m² vị trí thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp với ngõ đi chung (Ngõ rộng 2m) có chiều rộng: 5,15 m
- Phía Tây giáp đất nhà anh Nguyễn Tuấn Thành rộng 5,15m.
- Phía Nam giáp đất nhà con trai Bùi Minh H dài 13 m.
- Phía Bắc giáp đất nhà ông Bùi Văn B dài 13m;

*Đối với tài sản trên đất, ngôi nhà xây cấp 4:

+ Ông B sử dụng phần nhà có gian buồng rộng 32,9 m² vị trí như sau:

- Phía Đông giáp với sân láng si măng rộng: 4,7 m.
- Phía Tây giáp đất ở còn lại rộng 4,7 m.
- Phía Nam giáp nhà bà Trần Thị L dài 7 m.
- Phía Bắc giáp đất ở còn lại (còn lại 90cm) dài 7m;

- + Bà Lan sử dụng phần nhà không có gian buồng rộng 32,9 m² vị trí như sau:
- Phía Đông giáp với sân lát xi măng rộng: 4,7 m.
- Phía Tây giáp đất ở còn lại rộng 4,7 m.
- Phía Nam giáp đất anh Bùi Minh H (con trai) dài 7 m.
- Phía Bắc giáp nhà anh Bùi Văn B dài 7m;

*Đối với đất vườn diện tích 2736 m² thửa số 71 tờ bản đồ P4-41 ông Bùi Văn B và bà Trần Thị L thỏa thuận chia cho con trai là Bùi Văn C.

*Đối với Ao đào 2684 m² tại thửa số 25 tờ bản đồ P4-42 và đất vườn rộng 432 m² thửa số 26, tờ bản đồ P4-42, hai thửa đã nhập vào làm một tạo thành ao, ông Bùi Văn B và bà Trần Thị L thỏa thuận chia cho con trai là Bùi Minh H.

Tại phiên họp Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai đề nghị Toà án nhân dân thành phố Lào Cai áp dụng khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 367, Điều 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L và ông Bùi Văn B, công nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, Tòa án thành phố Lào Cai nhận định:

Về thẩm quyền: Ông Bùi Văn B và bà Trần Thị L đã được Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giải quyết cho ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 63/2013/QĐST – HNGĐ ngày 14/6/2013, khi giải quyết ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nay bà Trần Thị L và ông Bùi Văn B yêu cầu công nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, đây là yêu cầu khác về Hôn nhân và Gia đình được qui định tại khoản 11 Điều 29 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý việc dân sự giải quyết yêu cầu công nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn của bà Lan và ông Bảo là đúng thẩm quyền.

Tại phiên họp hôm nay bà Trần Thị L, ông Bùi Văn B, anh Bùi Văn C và anh Bùi Minh H có đơn đề nghị Toà án giải quyết việc dân sự vắng mặt, xét thấy đơn đề nghị Toà án giải quyết việc dân sự vắng mặt của người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp khoản 2 Điều 367 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Toà án mở phiên họp xét việc dân sự vắng mặt người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại đơn yêu cầu và bản tự khai, đơn xin mở phiên họp vắng mặt bà Trần Thị L và ông Bùi Văn B vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Xét thấy việc thỏa thuận của ông bà về quyền sử dụng đất là phù hợp với qui định của pháp luật về đất đai, đối với đất ở của bà L và ông B là đất ở đô thị, chưa

có qui hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, có ngõ đi chung của 4 hộ gia đình, thửa đất có cạnh tiếp giáp với ngõ đi chung chiều rộng 5,15 m, chiều dài 13 m, như vậy diện tích tách thành một thửa đất ở mới có diện tích 66,95 m² phù hợp với qui định tại Quyết định số 108/2016/QĐ – UBND ngày 19/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đối với diện tích đất thửa số 71 tờ bản đồ P4-41, thuộc đất vườn 2736 m² ông Bùi Văn B và bà Trần Thị L thỏa thuận chia cho con trai là Bùi Văn C sử dụng. Đối với Ao đào 2684 m² tại thửa số 25 tờ bản đồ P4-42 và đất vườn rộng 432 m² thửa số 26, tờ bản đồ P4-42, hai thửa đã nhập vào làm một tạo thành ao, ông Bùi Văn B và bà Trần Thị L thỏa thuận chia cho con trai là Bùi Minh H sử dụng. Xét thấy việc thỏa thuận của ông bà về quyền sử dụng đất là phù hợp với qui định của pháp luật về đất đai, mặt khác anh Bùi Văn C và anh Bùi Minh H đều có nhu cầu sử dụng đất, hiện tại hai anh đang sử dụng thửa đất trên, khi tách thửa cả 4 hộ gia đình có ngõ đi chung rộng 2m, việc thỏa thuận chia tài sản là quyền sử dụng đất của ông Bảo và bà Lan là tự nguyện, phù hợp với khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Tòa án cần công nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị L, ông Bùi Văn B, anh Bùi Văn C và anh Bùi Minh H.

Về tiền chi phí xem xét tại chỗ: Bà Trần Thị L, ông Bùi Văn B, anh Bùi Văn C và anh Bùi Minh H thỏa thuận để bà L chịu tiền chi phí xem xét tại chỗ là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng); Xác nhận bà L đã nộp đủ.

Về lệ phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị L, ông Bùi Văn B là người yêu cầu phải chịu lệ phí theo qui định.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 367; Điều 369 và 370 Bộ Luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trần Thị L, ông Bùi Văn B;

2. Công nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị L và ông Bùi Văn B về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn như sau:

+ Đối với đất ở thửa số 146, tờ bản đồ P4 - 41, diện tích 134 m² (Đo thực tế theo biên bản xem xét tại chỗ ngày 25/10/2017 là 133,9 m²) chia đôi cụ thể như sau:

*Ông Bùi Văn B được quyền sử dụng 66,95 m² vị trí thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp với ngõ đi chung (Ngõ rộng 2m) có chiều rộng: 5,15 m.
- Phía Tây giáp đất nhà anh Nguyễn Tuấn Thành rộng 5,15m.
- Phía Nam giáp đất bà Trần Thị L dài 13 m.
- Phía Bắc giáp đất nhà con trai Bùi Văn C dài 13m;

* Bà Trần Thị L sử dụng 66,95 m² vị trí thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp với ngõ đi chung (Ngõ rộng 2m) có chiều rộng: 5,15 m.
- Phía Tây giáp đất nhà anh Nguyễn Tuấn Thành rộng 5,15m.
- Phía Nam giáp đất nhà con trai Bùi Minh H dài 13 m.
- Phía Bắc giáp đất nhà anh Bùi Văn Bảo dài 13m;

+ Đối với tài sản trên đất, ngôi nhà xây cấp 4:

* Ông Bùi Văn B được sở hữu phần nhà có gian buồng rộng 32,9 m² vị trí như sau:

- Phía Đông giáp với sân láng si măng rộng: 4,7 m.
- Phía Tây giáp với phần còn lại của đất ở rộng 4,7 m.
- Phía Nam giáp nhà bà Trần Thị L dài 7 m.
- Phía Bắc giáp phần đất ở còn lại (đất ở còn lại rộng 90cm giáp với nhà anh

Bùi Văn C) dài 7m;

* Bà Trần Thị L được sở hữu phần nhà không có gian buồng rộng 32,9 m² vị trí như sau:

- Phía Đông giáp với sân láng si măng rộng: 4,7 m.
- Phía Tây giáp phần còn lại của đất ở rộng 4,7 m.
- Phía Nam giáp đất nhà anh Bùi Minh H (con trai) dài 7 m.
- Phía Bắc giáp nhà ông Bùi Văn B dài 7m;

* Anh Bùi Văn C được quyền sử dụng đất vườn diện tích 2736 m², thuộc thửa số 71 tờ bản đồ P4-41.

*Anh Bùi Minh H được quyền sử dụng Ao đào diện tích 2684 m² tại thửa số 25 tờ bản đồ P4-42 và đất vườn rộng 432 m² thửa số 26, tờ bản đồ P4-42, hai thửa đã nhập vào làm một tạo thành ao.

Cả 4 hộ gia đình gồm bà Trần Thị L, ông Bùi Văn B, anh Bùi Văn C và anh Bùi Minh H được sử dụng ngõ đi chung rộng 2m, vị trí ngõ đi chung giáp với mép ngoài của đất ở thửa 146, được đi từ đường Trung Đoàn 53 vào giáp tới đất ở nhà anh Bùi Văn C.

Toàn bộ diện tích đất ở trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000955, ngày 20/7/1999 mang tên hộ bà Trần Thị L, vị trí đất tại thôn Chiềng 1, xã Cam Đường, thị xã Cam Đường, tỉnh Lào Cai cũ, nay là tổ 18, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Bà Trần Thị L có trách nhiệm mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000955 ngày 20/7/1999 mang tên hộ bà Trần Thị L, vị trí đất tại thôn Chiềng 1, xã C, thị xã C, tỉnh Lào Cai, nay là tổ 18, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai làm thủ tục tách thửa cho ông Bùi Văn B, anh Bùi Minh H và anh Bùi Văn C.

3. Về tiền chi phí xem xét tại chỗ: Xác nhận bà Trần Thị L đã nộp đủ tiền chi phí xem xét tại chỗ là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng);

4. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Bà Trần Thị L, ông Bùi Văn B mỗi người phải chịu lệ phí việc dân sự là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004654 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Bà Trần Thị L, ông Bùi Văn B đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

5. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết công khai. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; VKSND tỉnh;
- VKS TP;
- THADS;
- Người yêu cầu (2);
- Người có QLNVLQ (2);
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Hoàng Duy Chiến